

**UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 86 / QĐ-THCSLT

Gò Vấp, ngày 21 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021 của
Trường THCS Lý Tự Trọng**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT -BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4645/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận Gò Vấp về giao dự toán thu -chi ngân sách năm 2021;

Xét đề nghị của kế toán trường THCS Lý Tự Trọng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính trường THCS Lý Tự Trọng thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG



Dương Hữu Đức



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

Đơn vị: Trường THCS Lý Tự Trọng

Mã số: 1051807

(Kèm theo công văn số 200 /THCSLTT ngày 31/12/2020 của trường THCS Lý Tự Trọng)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán
I	Tổng số thu, chi sự nghiệp	1.168.560.000
1	Số thu phí, lệ phí.	
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại	
3	Thu, chi sự nghiệp khác được để lại	1.168.560.000
	Trong đó: Trích 40% CCTL từ nguồn thu sự nghiệp	
II	Tổng sử dụng nguồn CCTL 2020 chuyển sang năm 2021 của đơn vị	2.994.302.000
III	Dự toán chi ngân sách nhà nước	16.430.673.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	16.430.673.000
1,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	16.084.736.000
a	Chi thường xuyên (nguồn 13)	10.141.995.000
	Trong đó: Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên TSCĐ, Công cụ dụng cụ	100.000.000
b	10% tiết kiệm chi thường xuyên - nguồn 14 (không kể tiền lương, có tính chất chi lương)	270.284.000
c	Ngân sách bổ sung chênh lệch tăng lương từ mức 1,21trđ lên 1,49 trđ (nguồn 14).	1.750.681.000
d	Kinh phí Nghị quyết 03 (nguồn 14)	3.142.736.000
e	Kinh phí cấp bù học phí	779.040.000
1,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	345.937.000
	PC GV Dạy hs hòa nhập	311.007.000
	Miễn giảm học phí	9.990.000
	Hỗ trợ chi phí học tập	9.900.000
	Buổi 2	5.040.000
	Phổ cập	10.000.000

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /QĐ-THCSLT

Gò Vấp, ngày 29 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT -BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận Gò Vấp về giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2021;

Xét đề nghị của kế toán trường THCS Lý Tự Trọng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán bổ sung chi ngân sách năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính trường THCS Lý Tự Trọng thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TC.



HIỆU TRƯỞNG

Dương Hữu Đức



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

Đơn vị: Trường THCS Lý Tự Trọng

Mã số: 1051807

(Kèm theo công văn số /THCSLTT ngày 29 / 01 /2021 của trường THCS Lý Tự Trọng)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán
I	Tổng số thu, chi sự nghiệp	-
1	Số thu phí, lệ phí.	
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại	
3	Thu, chi sự nghiệp khác được để lại	
	Trong đó: Trích 40% CCTL từ nguồn thu sự nghiệp	
II	Tổng sử dụng nguồn CCTL 2020 chuyển sang năm 2021 của đơn vị	
III	Dự toán chi ngân sách nhà nước	141.000.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	141.000.000
1,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
a	Chi thường xuyên (nguồn 13)	
	Trong đó: Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên TSCĐ, Công cụ dụng cụ	
b	10% tiết kiệm chi thường xuyên - nguồn 14 (không kể tiền lương, có tính chất chi lương)	
c	Ngân sách bổ sung chênh lệch tăng lương từ mức 1,21trđ lên 1,49 trđ (nguồn 14).	
d	Kinh phí Nghị quyết 03 (nguồn 14)	
e	Kinh phí cấp bù học phí	
1,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	141.000.000
	Trợ cấp Tết UB	141.000.000
	Miễn giảm học phí	
	Hỗ trợ chi phí học tập	
	Buổi 2	
	Phổ cập	



Dương Hữu Đức

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 54 /QĐ-THCSLT

Gò Vấp, ngày 27 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2021 của
Trường THCS Lý Tự Trọng**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT -BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 643/QĐ-UBND ngày 27 tháng 04 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận Gò Vấp về giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2021;

Xét đề nghị của kế toán trường THCS Lý Tự Trọng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán bổ sung chi ngân sách năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính trường THCS Lý Tự Trọng thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TC.



Dương Hữu Đức



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

Đơn vị: Trường THCS Lý Tự Trọng

Mã số: 1051807

(Kèm theo công văn số /THCSLTT ngày 27 / 04 /2021 của trường THCS Lý Tự Trọng)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán
I	Tổng số thu, chi sự nghiệp	-
1	Số thu phí, lệ phí.	
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại	
3	Thu, chi sự nghiệp khác được để lại	
	Trong đó: Trích 40% CCTL từ nguồn thu sự nghiệp	
II	Tổng sử dụng nguồn CCTL 2020 chuyển sang năm 2021 của đơn vị	
III	Dự toán chi ngân sách nhà nước	228.094.435
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	228.094.435
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
a	Chi thường xuyên (nguồn 13)	
	Trong đó: Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên TSCĐ, Công cụ dụng cụ	
b	10% tiết kiệm chi thường xuyên - nguồn 14 (không kể tiền lương, có tính chất chi lương)	
c	Ngân sách bổ sung chênh lệch tăng lương từ mức 1.21trđ lên 1.49 trđ (nguồn 14).	
d	Kinh phí Nghị quyết 03 (nguồn 14)	
e	Kinh phí cấp bù học phí	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	228.094.435
	PC UD GV Dạy hs hòa nhập hk2 2019-2020, HK1 2020-2021	228.094.435
	Miễn giảm học phí	
	Hỗ trợ chi phí học tập	
	Buổi 2	
	Phổ cập	



Đương Hữu Đức

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 75 /QĐ-THCSLT

Gò Vấp, ngày 30 tháng 06 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT -BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận Gò Vấp về việc cắt giảm và tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên còn lại năm 2021;

Xét đề nghị của kế toán trường THCS Lý Tự Trọng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán bổ sung chi ngân sách năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính trường THCS Lý Tự Trọng thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG



Dương Hữu Đức

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

Đơn vị: Trường THCS Lý Tự Trọng

Mã số: 1051807

(Kèm theo công văn số /THCSLTT ngày 30/06/2021 của trường THCS Lý Tự Trọng)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán
I	Tổng số thu, chi sự nghiệp	-
1	Số thu phí, lệ phí.	
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại	
3	Thu, chi sự nghiệp khác được để lại	
	Trong đó: Trích 40% CCTL từ nguồn thu sự nghiệp	
	Tổng sử dụng nguồn CCTL 2020 chuyển sang năm 2021 của đơn vị	
III	Dự toán chi ngân sách nhà nước	(121.627.800)
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	(121.627.800)
1,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	(121.627.800)
	Chi thường xuyên (nguồn 13) Cắt giảm 10% tiết kiệm dự toán 2021	(121.627.800)
a	Trong đó: Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên TSCĐ, Công cụ dụng cụ	
b	10% tiết kiệm chi thường xuyên - nguồn 14 (không kể tiền lương, có tính chất chi lương)	
c	Ngân sách bổ sung chênh lệch tăng lương từ mức 1,21trđ lên 1,49 trđ (nguồn 14).	
d	Kinh phí Nghị quyết 03 (nguồn 14)	
e	Kinh phí cấp bù học phí	
1,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
	PC UD GV Dạy hs hòa nhập hk2 2019-2020, HK1 2020-2021	
	Chi mua sắm trang thiết bị dạy học	
	Hỗ trợ chi phí học tập	
	Buổi 2	
	Phổ cập	



Dương Hữu Đức

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *89* /QĐ-THCSLT

Gò Vấp, ngày 10 tháng 08 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT -BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2285/QĐ-UBND ngày 10 tháng 08 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận Gò Vấp về giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2021;

Xét đề nghị của kế toán trường THCS Lý Tự Trọng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán bổ sung chi ngân sách năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính trường THCS Lý Tự Trọng thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG

Đường Hữu Đức

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

Đơn vị: Trường THCS Lý Tự Trọng

Mã số: 1051807

(Kèm theo công văn số /THCSLTT ngày 10/08 /2021 của trường THCS Lý Tự Trọng)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán
I	Tổng số thu, chi sự nghiệp	-
1	Số thu phí, lệ phí.	
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại	
3	Thu, chi sự nghiệp khác được để lại	
	Trong đó: Trích 40% CCTL từ nguồn thu sự nghiệp	
	Tổng sử dụng nguồn CCTL 2020 chuyển sang năm 2021 của đơn vị	
III	Dự toán chi ngân sách nhà nước	400.000.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	400.000.000
1,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
a	dự toán 2021	
	Trong đó: Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên TSCĐ, Công cụ dụng cụ	
b	10% tiết kiệm chi thường xuyên - nguồn 14 (không kể tiền lương, có tính chất chi lương)	
c	Ngân sách bổ sung chênh lệch tăng lương từ mức 1,21trđ lên 1,49 trđ (nguồn 14).	
d	Kinh phí Nghị quyết 03 (nguồn 14)	
e	Kinh phí cấp bù học phí	
1,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	400.000.000
	PC UD GV Dạy hs hòa nhập hk2 2019-2020, HK1 2020-2021	
	Chi mua sắm trang thiết bị dạy học	400.000.000
	Hỗ trợ chi phí học tập	
	Buổi 2	
	Phổ cập	



Đường Hữu Đức

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 157/QĐ-THCSLTT

Gò Vấp, ngày 12 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT -BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3715/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận Gò Vấp về giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2021;

Xét đề nghị của kế toán trường THCS Lý Tự Trọng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán bổ sung chi ngân sách năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính trường THCS Lý Tự Trọng thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TC.



Dương Hữu Đức

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

Đơn vị: Trường THCS Lý Tự Trọng

Mã số: 1051807

(Kèm theo công văn số /THCSLTT ngày 12/11/2021 của trường THCS Lý Tự Trọng)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán
I	Tổng số thu, chi sự nghiệp	-
1	Số thu phí, lệ phí.	
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại	
3	Thu, chi sự nghiệp khác được để lại	
	Trong đó: Trích 40% CCTL từ nguồn thu sự nghiệp	
II	Tổng sử dụng nguồn CCTL 2020 chuyển sang năm 2021 của đơn vị	
III	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18.516.538
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	18.516.538
1,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	18.516.538
a	Chi thường xuyên (nguồn 13) bổ sung dự toán 2021 Trong đó: Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên TSCĐ, Công cụ dụng cụ	18.516.538
b	10% tiết kiệm chi thường xuyên - nguồn 14 (không kể tiền lương, có tính chất chi lương)	
c	Ngân sách bổ sung chênh lệch tăng lương từ mức 1,21trđ lên 1,49 trđ (nguồn 14).	
d	Kinh phí Nghị quyết 03 (nguồn 14)	
e	Kinh phí cấp bù học phí	
1,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
	PC UD GV Dạy hs hòa nhập hk2 2019-2020, HK1 2020-2021	
	Chi mua sắm trang thiết bị dạy học	
	Hỗ trợ chi phí học tập	
	Buổi 2	
	Phô cập	



Dương Hữu Đức

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/QĐ-THCSLT

Gò Vấp, ngày 28 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán năm 2021 của
Trường THCS Lý Tự Trọng**

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT – BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ vào kết quả tình hình thực hiện dự toán năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng;
- Xét đề nghị của kế toán Trường THCS Lý Tự Trọng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính Trường THCS Lý Tự Trọng thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TC.



HIỆU TRƯỞNG

Dương Hữu Đức

Đơn vị: Trường THCS LÝ TỰ TRỌNG
Chương: 622

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 24/9/2018 của Bộ Tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tphcm, ngày 28 tháng 01 Năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều
của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị
dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Lý Tự Trọng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu học phí				
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		15.622.345.845		
a)	Chi thường xuyên (nguồn 13)		10.152.093.770		
b)	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (không kể tiền lương, cơ tính chất lương) (nguồn 14)		5.470.252.075		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		985.310.159		
	Liệt kê chi tiết				



Ngày 28 tháng 01 năm 2022

Hiệu trưởng

Dương Hữu Đức

Đơn vị: Trường THCS LÝ TỰ TRỌNG
Chương: 622

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 24/9/2018 của Bộ Tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tphcm, ngày 28 tháng 01 Năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều
của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị
dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Lý Tự Trọng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu học phí				
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thương xuyên		15.622.345.845		
a)	Chi thương xuyên (nguồn 13)		10.152.093.770		
b)	10% tiết kiệm dự toán chi thương xuyên (không kể tiền lương, có tính chất lương) (nguồn 14)		5.470.252.075		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thương xuyên		985.310.159		
	Liệt kê chi tiết				

Gò Vấp, Ngày 28 tháng 01 năm 2022

Hiệu trưởng



Dương Hữu Đức

Trường THCS LÝ TỰ TRỌNG

**BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2021**

I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2020

	Nguồn 13 (chi thường xuyên)	Nguồn 14 (10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên)	Nguồn 14 (chi NQ 03)	Nguồn 12 (chi không thường xuyên)	Tổng cộng
Tồn năm 2019 chuyển sang	248.785.158	3.152.411.408	1.054.026.489		4.455.223.055
Dự toán giao trong năm 2020	10.038.883.738	5.942.741.000	5.556.684.200	1.115.031.435	22.653.340.373
Dự toán đã sử dụng	10.152.093.770	5.470.252.075	3.185.047.942	985.310.159	19.792.703.946
+ Quý 1	1.865.910.657	396.356.184		141.000.000	
+ Quý 2	2.003.867.547	1.652.994.139	1.266.012.216	207.671.036	
+ Quý 3	1.946.476.601	1.270.453.116	900.025.024	111.496.918	
+ Quý 4	4.335.838.965	2.150.448.636	1.019.010.702	525.142.205	
Tồn cuối kỳ	135.575.126	3.624.900.333	3.425.662.747	129.721.276	3.890.196.735

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:

1/ Chi thường xuyên (nguồn 13) :

Mã nội dung kinh tế	Chi tiêu	Dự toán đã sử dụng		
		Quý 4/2021	Lũy kế từ đầu năm	
B	C	I	2	
6000	Tiền lương			
6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt	3.923.416.719	3.923.416.719	2.963.263.569
6002	Lương tập sự, công chức dự bị		-	-
6003	Lương hợp đồng dài hạn	47.867.878	47.867.878	35.804.700
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		-	-
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	174.266.400	174.266.400	121.226.400
6100	Phụ cấp lương		-	-
6101	Phụ cấp chức vụ	64.069.500	64.069.500	48.763.000
6105	Phụ cấp thêm giờ	605.994.936	605.994.936	229.906.944
6107	Phụ cấp độc hại	2.420.000	2.420.000	1.694.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.121.196.033	1.121.196.033	846.625.301
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	13.444.000	13.444.000	6.181.000
6115	Phụ cấp thâm niên nghề	488.344.747	488.344.747	370.505.509
6117	Phụ cấp thâm niên vượt khung		-	-
6149	Khác	5.400.000	5.400.000	4.050.000
6300	Các khoản đóng góp		-	-
6301	Bảo hiểm xã hội	823.749.536	823.749.536	620.837.828
6302	Bảo hiểm y tế	141.214.232	141.214.232	106.429.361
6303	Kinh phí công đoàn	94.142.705	94.142.705	70.952.824
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	46.859.326	46.859.326	35.264.357
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		-	-
6404	Thu nhập tăng thêm	1.050.000.000	1.050.000.000	-
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	74.446.800	74.446.800	49.310.400
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng		-	-
6501	Chi thanh toán tiền điện	70.240.747	70.240.747	41.956.282
6502	Chi thanh toán tiền nước		-	-
6504		7.370.000	7.370.000	7.370.000
6550	Vật tư văn phòng		-	-
6551	văn phòng phẩm	16.494.760	16.494.760	8.295.980

6552	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	5.900.000	5.900.000	5.900.000
6599	Vật tư văn phòng khác	6.877.750	6.877.750	6.877.750
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		-	-
6601	Cước phí điện thoại trong nước	237.097	237.097	-
6605		2.400.000	2.400.000	-
6608	Sách, tài liệu	45.330.004	45.330.004	15.896.000
6617	Cước phí Internet, phương tiện điện tử		-	-
6649		6.820.000	6.820.000	-
6700	Công tác phí		-	-
6704	Khoản công tác phí	21.600.000	21.600.000	16.200.000
6750	Chi phí thuê mướn		-	-
6754		1.600.000	1.600.000	-
6757	Thuê lao động	177.498.600	177.498.600	85.643.600
6799	Chi phí thuê mướn khác	108.000.000	108.000.000	108.000.000
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ KPTX		-	-
6905	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng		-	-
6907	Nhà cửa		-	-
6912	Thiết bị tin học		-	-
6913	Tài sản và TBVP		-	-
6921	Đường điện, cấp thoát nước	18.919.000	18.919.000	-
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	27.698.000	27.698.000	-
6999	Tài sản và thiết bị khác		-	-
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		-	-
7001	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	9.075.000	9.075.000	-
7004	Đồng phục, trang phục	10.000.000	10.000.000	-
7006	Sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác chuyên môn của ngành		-	-
7049	Chi phí khác		-	-
7053	Đào tạo nhân viên công nghệ	4.200.000	4.200.000	2.400.000
7766	Cấp bù học phí		-	-
7799	Hỗ trợ CPHT		-	-
7951	quỹ oddtn	5.000.000		-
7952	Quỹ PL	700.000.000	700.000.000	-
7953	Quỹ KT	200.000.000	200.000.000	-
7954	Quỹ PTSN	30.000.000	30.000.000	-
9050	Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn		-	-
9099	Tài sản khác		-	-

2/Chi thường xuyên (nguồn T4) :

- Tăng lương theo Nghị định 72/2018/NĐ-CP: 1,530,275,675đồng.
- Chi Nghị quyết 03 trong năm 2021:3,939,976,400 đồng.

3/Chi không thường xuyên (nguồn 12) :

- Trợ cấp tết 2021:
- Hỗ trợ chi phí học tập:
- PC ưu đãi GV dạy học sinh hòa nhập:
- Sửa chữa, cải tạo trường:



Gõ Vập 28 tháng 01 năm 2022

Hiệu trưởng

Dương Hữu Đức

Trường THCS LÝ TỰ TRỌNG

**BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2021**

I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2020

	Nguồn 13 (chi thường xuyên)	Nguồn 14 (10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên)	Nguồn 14 (chi NQ 03)	Nguồn 12 (chi không thường xuyên)	Tổng cộng
Tồn năm 2019 chuyển sang	248.785.158	3.152.411.408	1.054.026.489		4.455.223.055
Dự toán giao trong năm 2020	10.038.883.738	5.942.741.000	5.556.684.200	1.115.031.435	22.653.340.373
Dự toán đã sử dụng	10.152.093.770	5.470.252.075	3.185.047.942	985.310.159	19.792.703.946
+ Quý 1	1.865.910.657	396.356.184		141.000.000	
+ Quý 2	2.003.867.547	1.652.994.139	1.266.012.216	207.671.036	
+ Quý 3	1.946.476.601	1.270.453.116	900.025.024	111.496.918	
+ Quý 4	4.335.838.965	2.150.448.636	1.019.010.702	525.142.205	
Tồn cuối kỳ	135.575.126	3.624.900.333	3.425.662.747	129.721.276	3.890.196.735

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:

1/ Chi thường xuyên (nguồn 13) :

Mã nội dung kinh tế	Chi tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 4/2021	Lũy kế từ đầu năm
B	C	1	2
6000	Tiền lương		
6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt	3.923.416.719	3.923.416.719
6002	Lương tập sự, công chức dự bị		-
6003	Lương hợp đồng dài hạn	47.867.878	47.867.878
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		-
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	174.266.400	174.266.400
6100	Phụ cấp lương		-
6101	Phụ cấp chức vụ	64.069.500	64.069.500
6105	Phụ cấp thêm giờ	605.994.936	605.994.936
6107	Phụ cấp độc hại	2.420.000	2.420.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.121.196.033	1.121.196.033
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	13.444.000	13.444.000
6115	Phụ cấp thâm niên nghề	488.344.747	488.344.747
6117	Phụ cấp thâm niên vượt khung		-
6149	Khác	5.400.000	5.400.000
6300	Các khoản đóng góp		-
6301	Bảo hiểm xã hội	823.749.536	823.749.536
6302	Bảo hiểm y tế	141.214.232	141.214.232
6303	Kinh phí công đoàn	94.142.705	94.142.705
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	46.859.326	46.859.326
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		-
6404	Thu nhập tăng thêm	1.050.000.000	1.050.000.000
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	74.446.800	74.446.800
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng		-
6501	Chi thanh toán tiền điện	70.240.747	70.240.747
6502	Chi thanh toán tiền nước		-
6504		7.370.000	7.370.000
6550	Vật tư văn phòng		-
6551	văn phòng phẩm	16.494.760	16.494.760

6552*	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	5.900.000	5.900.000	5.900.000
6599	Vật tư văn phòng khác	6.877.750	6.877.750	6.877.750
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		-	-
6601	Cước phí điện thoại trong nước	237.097	237.097	-
6605		2.400.000	2.400.000	
6608	Sách, tài liệu	45.330.004	45.330.004	15.896.000
6617	Cước phí Internet, phương tiện điện tử		-	-
6649		6.820.000	6.820.000	
6700	Công tác phí		-	-
6704	Khoản công tác phí	21.600.000	21.600.000	16.200.000
6750	Chi phí thuê mướn		-	-
6754		1.600.000	1.600.000	
6757	Thuê lao động	177.498.600	177.498.600	85.643.600
6799	Chi phí thuê mướn khác	108.000.000	108.000.000	108.000.000
6900	Sửa chữa tài sản phụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ KPIX		-	-
6905	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng		-	-
6907	Nhà cửa		-	-
6912	Thiết bị tin học		-	-
6913	Tài sản và TBVP		-	-
6921	Dường điện, cấp thoát nước	18.919.000	18.919.000	-
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	27.698.000	27.698.000	-
6999	Tài sản và thiết bị khác		-	-
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		-	-
7001	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	9.075.000	9.075.000	-
7004	Đồng phục, trang phục	10.000.000	10.000.000	-
7006	Sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác chuyên môn của ngành		-	-
7049	Chi phí khác		-	-
7053	Hỗ trợ phát triển công nghệ	4.200.000	4.200.000	2.400.000
7766	Cấp bù học phí		-	-
7799	Hỗ trợ CPHT		-	-
7951	Quỹ oddtn	5.000.000		
7952	Quỹ PL	700.000.000	700.000.000	-
7953	Quỹ KT	200.000.000	200.000.000	-
7954	Quỹ PTSN	30.000.000	30.000.000	-
9050	Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn		-	-
9099	Tài sản khác		-	-

2/Chi thường xuyên (nguồn 14) :

- Tăng lương theo Nghị định 72/2018/NĐ-CP: 1.530,275,675đồng.
- Chi Nghị quyết 03 trong năm 2021:3,939,976,400 đồng.

3/Chi không thường xuyên (nguồn 12) :

- Trợ cấp tết 2021:
- Hỗ trợ chi phí học tập:
- PC ưu đãi GV dạy học sinh hoa nhập:
- Sửa chữa, cải tạo trường:



Ngày 28 tháng 01 năm 2022

Hiệu trưởng

Dương Hữu Đức

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *13*QĐ-THCSLT

Gò Vấp, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quý 4 năm 2021 của
Trường THCS Lý Tự Trọng**

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT – BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ vào kết quả tình hình thực hiện dự toán quý 4 năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng;
- Xét đề nghị của kế toán Trường THCS Lý Tự Trọng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quý 4 năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính Trường THCS Lý Tự Trọng thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TC.



Dương Hữu Đức

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 24/9/2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THCS LÝ TỰ TRỌNG

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tphcm, ngày 30 tháng 12 Năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 12 THÁNG NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều
của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị
dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Lý Tự Trọng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2 như sau:

ĐVT tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu học phí				
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		3.048.766.726		
a)	Chi thường xuyên (nguồn 13)		1.917.328.792		
b)	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (không kể tiền lương, cơ tính chất lương) (nguồn 14)		1.131.437.934		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		406.326.000		
	Liệt kê chi tiết				

Gò Vấp, Ngày 30 tháng 12 năm 2021

Hiệu trưởng


Đương Hữu Đức

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 24/9/2018 của Bộ Tài chính
 Đơn vị: Trường THCS LÝ TỰ TRỌNG
 Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tphcm, ngày 30 tháng 12 Năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 12 THÁNG NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
 dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
 Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều
 của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị
 dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Lý Tự Trọng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2 như sau:

DV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu học phí				
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		3.048.766.726		
a)	Chi thường xuyên (nguồn 13)		1.917.328.792		
b)	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (không kể tiền lương, cơ tính chất lương) (nguồn 14)		1.131.437.934		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		406.326.000		
	Liệt kê chi tiết				

Đoàn, Ngày 30 tháng 12 năm 2021

Hiệu trưởng



Dương Hữu Đức

Trường THCS LÝ TỰ TRỌNG

**BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
12 THÁNG NĂM 2021**

I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2020

	Nguồn 13 (chi thường xuyên)	Nguồn 14 (10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên)	Nguồn 14 (chi NQ 03)	Nguồn 12 (chi không thường xuyên)	Tổng cộng
Tồn năm 2019 chuyển sang	248.785.158	3.152.411.408	1.054.026.489		4.455.223.055
Dự toán giao trong năm 2020	10.038.883.738	5.942.741.000	5.556.684.200	1.115.031.435	22.653.340.373
Dự toán đã sử dụng	7.733.583.597	4.451.241.373	2.920.965.698	866.493.954	15.972.284.622
+ Quý 1	1.865.910.657	396.356.184		141.000.000	
+ Quý 2	2.003.867.547	1.652.994.139	1.266.012.216	207.671.036	
+ Quý 3	1.946.476.601	1.270.453.116	900.025.024	111.496.918	
+ Quý 4	1.917.328.792	1.131.437.934	754.928.458	406.326.000	
Tồn cuối kỳ	2.554.085.299	4.643.911.035	3.689.744.991	248.537.481	7.446.533.815

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:

1/ Chi thường xuyên (nguồn 13) :

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 4/2021	Lũy kế từ đầu năm
B	C	1	2
6000	Tiền lương		
6001	Lương ngạch, bậc theo quý lương được duyệt	3.923.416.719	3.923.416.719
6002	Lương tập sự, công chức dự bị		-
6003	Lương hợp đồng dài hạn	47.867.878	47.867.878
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		-
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	174.266.400	174.266.400
6100	Phụ cấp lương		-
6101	Phụ cấp chức vụ	64.069.500	64.069.500
6105	Phụ cấp thêm giờ	229.906.944	229.906.944
6107	Phụ cấp độc hại	2.420.000	2.420.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.121.196.033	1.121.196.033
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	13.444.000	13.444.000
6115	Phụ cấp thâm niên nghề	488.344.747	488.344.747
6117	Phụ cấp thâm niên vượt khung		-
6149	Khác	5.400.000	5.400.000
6300	Các khoản đóng góp		-
6301	Bảo hiểm xã hội	823.749.536	823.749.536
6302	Bảo hiểm y tế	141.214.232	141.214.232
6303	Kinh phí công đoàn	94.142.705	94.142.705
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	46.859.326	46.859.326
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		-
6404	Thu nhập tăng thêm		-
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	61.310.400	61.310.400
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng		-
6501	Chi thanh toán tiền điện	64.121.764	64.121.764
6502	Chi thanh toán tiền nước		-
6504		7.370.000	7.370.000
6550	Vật tư văn phòng		-
6551	văn phòng phẩm	16.494.760	16.494.760

6552	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	5.900.000	5.900.000	5.900.000
6599	Vật tư văn phòng khác	6.877.750	6.877.750	6.877.750
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		-	-
6601	Cước phí điện thoại trong nước	175.299	175.299	-
6605		2.400.000	2.400.000	
6608	Sách, tài liệu	45.330.004	45.330.004	15.896.000
6617	Cước phí Internet, phương tiện điện tử		-	-
6649		6.820.000	6.820.000	
6700	Công tác phí		-	-
6704	Khoản công tác phí	21.600.000	21.600.000	16.200.000
6750	Chi phí thuê mướn		-	-
6754		1.600.000	1.600.000	
6757	Thuê lao động	139.393.600	139.393.600	85.643.600
6799	Chi phí thuê mướn khác	108.000.000	108.000.000	108.000.000
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ KPTX		-	-
6905	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng		-	-
6907	Nhà cửa		-	-
6912	Thiết bị tin học		-	-
6913	Tài sản và TBVP		-	-
6921	Đường điện, cấp thoát nước	18.919.000	18.919.000	-
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	27.698.000	27.698.000	-
6999	Tài sản và thiết bị khác		-	-
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		-	-
7001	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	9.075.000	9.075.000	-
7004	Đồng phục, trang phục	10.000.000	10.000.000	-
7006	Sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác chuyên môn của ngành		-	-
7049	Chi phí khác		-	-
7053	Đào tạo nhân viên công nghệ	4.200.000	4.200.000	2.400.000
7766	Cấp bù học phí		-	-
7799	Hỗ trợ CPIII		-	-
7952	Quỹ PL		-	-
7953	Quỹ KT		-	-
7954	Quỹ PTSN		-	-
9050	Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn		-	-
9099	Tài sản khác		-	-

2/Chi thường xuyên (nguồn T4):

- Lãng lương theo Nghị định 12/2018/NĐ-CP: 1,530,275,675 đồng.
- Chi Nghị quyết 03 trong năm 2021: 2,920,965,698 đồng.

3/Chi không thường xuyên (nguồn 12):

- Trợ cấp tết 2020: đồng
- Hỗ trợ chi phí học tập:
- PC ưu đãi GV dạy học sinh hoa nhập: chi 1 hàng 4/2020
- mua sắm, cải tạo trường: 399,766,000

Gò Vấp, ngày 30 tháng 12 năm 2022



Hiệu trưởng
Đương Hữu Đức

Trường THCS LÝ TỰ TRỌNG

**BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
12 THÁNG NĂM 2021**

I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2020

	Nguồn 13 (chi thường xuyên)	Nguồn 14 (10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên)	Nguồn 14 (chi NQ 03)	Nguồn 12 (chi không thường xuyên)	Tổng cộng
Tồn năm 2019 chuyển sang	248.785.158	3.152.411.408	1.054.026.489		4.455.223.055
Dự toán giao trong năm 2020	10.038.883.738	5.942.741.000	5.556.684.200	1.115.031.435	22.653.340.373
Dự toán đã sử dụng	7.733.583.597	4.451.241.373	2.920.965.698	866.493.954	15.972.284.622
+ Quý 1	1.865.910.657	396.356.184		141.000.000	
+ Quý 2	2.003.867.547	1.652.994.139	1.266.012.216	207.671.036	
+ Quý 3	1.946.476.601	1.270.453.116	900.025.024	111.496.918	
+ Quý 4	1.917.328.792	1.131.437.934	754.928.458	406.326.000	
Tồn cuối kỳ	2.554.085.299	4.643.911.035	3.689.744.991	248.537.481	7.446.533.815

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:

1/ Chi thường xuyên (nguồn 13) :

Mã nội dung kinh tế	Chi tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 4/2021	Lũy kế từ đầu năm
B	C	1	2
6000	Tiền lương		
6001	Lương ngạch, bậc theo quý lương được duyệt	3.923.416.719	3.923.416.719
6002	Lương tập sự, công chức dự bị		-
6003	Lương hợp đồng dài hạn	47.867.878	47.867.878
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		-
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	174.266.400	174.266.400
6100	Phụ cấp lương		-
6101	Phụ cấp chức vụ	64.069.500	64.069.500
6105	Phụ cấp thêm giờ	229.906.944	229.906.944
6107	Phụ cấp độc hại	2.420.000	2.420.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.121.196.033	1.121.196.033
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	13.444.000	13.444.000
6115	Phụ cấp thâm niên nghề	488.344.747	488.344.747
6117	Phụ cấp thâm niên vượt khung		-
6149	Khác	5.400.000	5.400.000
6300	Các khoản đóng góp		-
6301	Bảo hiểm xã hội	823.749.536	823.749.536
6302	Bảo hiểm y tế	141.214.232	141.214.232
6303	Kinh phí công đoàn	94.142.705	94.142.705
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	46.859.326	46.859.326
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		-
6404	Thu nhập tăng thêm		-
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	61.310.400	61.310.400
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng		-
6501	Chi thanh toán tiền điện	64.121.764	64.121.764
6502	Chi thanh toán tiền nước		-
6504		7.370.000	7.370.000
6550	Vật tư văn phòng		-
6551	văn phòng phẩm	16.494.760	16.494.760

6552	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	5.900.000	5.900.000	5.900.000
6599	Vật tư văn phòng khác	6.877.750	6.877.750	6.877.750
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc			-
6601	Cước phí điện thoại trong nước	175.299	175.299	-
6605		2.400.000	2.400.000	
6608	Sách, tài liệu.	45.330.004	45.330.004	15.896.000
6617	Cước phí Internet, phương tiện điện tử		-	-
6649		6.820.000	6.820.000	
6700	Công tác phí			-
6704	Khoản công tác phí	21.600.000	21.600.000	16.200.000
6750	Chi phí thuê mướn			-
6754		1.600.000	1.600.000	
6757	Thuê lao động	139.393.600	139.393.600	85.643.600
6799	Chi phí thuê mướn khác	108.000.000	108.000.000	108.000.000
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ KPTX			-
6905	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng		-	-
6907	Nhà cửa		-	-
6912	Thiết bị tin học		-	-
6913	Tài sản và TBVP		-	-
6921	Đường điện, cấp thoát nước	18.919.000	18.919.000	-
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	27.698.000	27.698.000	-
6999	Tài sản và thiết bị khác		-	-
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			-
7001	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	9.075.000	9.075.000	-
7004	Đồng phục, trang phục	10.000.000	10.000.000	-
7006	Sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác chuyên môn của ngành		-	-
7049	Chi phí khác		-	-
7053	Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn	4.200.000	4.200.000	2.400.000
7766	Cấp bù học phí		-	-
7799	Hỗ trợ CPHT		-	-
7952	Quỹ PL		-	-
7953	Quỹ KT		-	-
7954	Quỹ PTSN		-	-
9050	Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn			-
9099	Tài sản khác		-	-

2/Chi thường xuyên (nguồn 14):

- Tổng lương theo Nghị định 72/2018/NĐ-CP: 1.530,275,675 đồng.
- Chi Nghị quyết 03 trong năm 2021: 2.920,965,698 đồng.

3/Chi không thường xuyên (nguồn 12):

- Trợ cấp tết 2020: đồng
- Hỗ trợ chi phí học tập:
- PC ưu đãi GV dạy học sinh hòa nhập: chi Tháng 4/2020
- mua sắm, cải tạo trường: 399,766,000

Gò Vấp, ngày 30 tháng 12 năm 2022



Đương Hữu Đức

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~106~~/QĐ-THCSLT

Gò Vấp, ngày 30 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quý 3 năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT – BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ vào kết quả tình hình thực hiện dự toán quý 3 năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng;
- Xét đề nghị của kế toán Trường THCS Lý Tự Trọng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quý 3 năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính trường Trường THCS Lý Tự Trọng thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG



[Signature]

Dương Hữu Đức

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 24/9/2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Trường THCS LÝ TỰ TRỌNG
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tphcm, ngày 30 tháng 06 Năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều
của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị
dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Lý Tự Trọng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu học phí				
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		3.656.861.686		
a)	Chi thường xuyên (nguồn 13)		2.003.867.547		
b)	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (không kể tiền lương, có tính chất lương) (nguồn 14)		1.652.994.139		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		111.496.918		
	Liệt kê chi tiết				
					

Gò Vấp, Ngày 30 tháng 06 năm 2021

Hiệu trưởng



Đương Hữu Đức

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 24/9/2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Trường THCS LÝ TỰ TRỌNG
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tphcm, ngày 30 tháng 06 Năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều
của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị
dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Lý Tự Trọng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu học phí				
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		3.656.861.686		
a)	Chi thường xuyên (nguồn 13)		2.003.867.547		
b)	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (không kể tiền lương, cơ tính chất lương) (nguồn 14)		1.652.994.139		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		111.496.918		
	Liệt kê chi tiết				

Giỗ Lập, Ngày 30 tháng 06 năm 2021
Hiệu trưởng

Dương Hữu Đức

Trường THCS LÝ TỰ TRỌNG

BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

QUÝ 3 NĂM 2021

I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2020

	Nguồn 13 (chi thường xuyên)	Nguồn 14 (10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên)	Nguồn 14 (chi NQ 03)	Nguồn 12 (chi không thường xuyên)	Tổng cộng
Tồn năm 2019 chuyển sang	248.785.158	3.152.411.408	1.054.026.489		4.455.223.055
Dự toán giao trong năm 2020	10.020.367.200	5.942.741.000	5.556.684.200	1.115.031.435	22.634.823.835
Dự toán đã sử dụng	5.816.254.805	3.319.803.439	2.166.037.240	460.167.954	11.762.263.438
+ Quý 1	1.865.910.657	396.356.184		141.000.000	
+ Quý 2	2.003.867.547	1.652.994.139	1.266.012.216	207.671.036	
+ Quý 3	1.946.476.601	1.270.453.116	900.025.024	111.496.918	
+ Quý 4					
Tồn cuối kỳ	4.452.897.553	5.775.348.969	4.444.673.449	654.863.481	10.883.110.003

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:

1/ Chi thường xuyên (nguồn 13) :

Mã nội dung kinh tế	Chi tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 3/2021	Lũy kế từ đầu năm
B	C	I	2
6000	Tiền lương		
6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương được duyệt	964.848.450	2.963.263.569
6002	Lương tập sự, công chức dự bị		-
6003	Lương hợp đồng dài hạn	11.934.900	35.804.700
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		-
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	40.408.800	121.226.400
6100	Phụ cấp lương		-
6101	Phụ cấp chức vụ	16.335.000	48.763.000
6105	Phụ cấp thêm giờ	229.906.944	229.906.944
6107	Phụ cấp độc hại	726.000	1.694.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	275.929.998	846.625.301
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	1.899.000	6.181.000
6115	Phụ cấp thâm niên nghề	107.515.179	370.505.509
6117	Phụ cấp thâm niên vượt khung		-
6149	Khác	1.350.000	4.050.000
6300	Các khoản đóng góp		-
6301	Bảo hiểm xã hội	199.682.408	620.837.828
6302	Bảo hiểm y tế	34.231.276	106.429.361
6303	Kinh phí công đoàn	22.820.822	70.952.824
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	11.410.436	35.264.357
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		-
6404	Thu nhập tăng thêm		-
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	15.000.000	49.310.400
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng		-
6501	Chi thanh toán tiền điện	4.677.388	41.956.282
6502	Chi thanh toán tiền nước		-
6504		-	7.370.000
6550	Vật tư văn phòng		-
6551	văn phòng phẩm	-	8.295.980

6552	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	-	5.900.000	5.900.000
6599	Vật tư văn phòng khác	-	6.877.750	6.877.750
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		-	-
6601	Cước phí điện thoại trong nước		-	-
6608	Sách, tài liệu.	-	15.896.000	15.896.000
6617	Cước phí Internet, phương tiện điện tử		-	-
6700	Công tác phí		-	-
6704	Khoản công tác phí	5.400.000	16.200.000	10.800.000
6750	Chi phí thuê mướn		-	-
6757	Thuê lao động	-	85.643.600	85.643.600
6799	Chi phí thuê mướn khác	-	108.000.000	108.000.000
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ KPTX		-	-
6905	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng		-	-
6907	Nhà cửa		-	-
6912	Thiết bị tin học		-	-
6913	Tài sản và TBVP		-	-
6921	Đường điện, cấp thoát nước	-	-	6.900.000
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		-	-
6999	Tài sản và thiết bị khác		-	-
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		-	-
7001	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		-	-
7004	Đồng phục, trang phục		-	-
7006	Sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác chuyên môn của ngành		-	-
7049	Chi phí khác		-	-
7053	Bảo trì máy móc công nghệ thông tin	2.400.000	2.400.000	
7766	Cấp bù học phí		-	-
7799	Hỗ trợ CPHT		-	-
7952	Quỹ PL		-	-
7953	Quỹ KT		-	-
7954	Quỹ PTSN		-	-
9050	Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn		-	-
9099	Tài sản khác		-	-

2/Chi thường xuyên (nguồn 14) :

- Tiền lương theo Nghị định 72/2018/NĐ-CP: 370,428,092 đồng.
- Chi Nghị quyết 03 trong năm 2020: 900,025,024 đồng.

3/Chi không thường xuyên (nguồn 12) :

- 1 rợ cấp tet 2020:
- Hỗ trợ chi phí học tập:
- PC ưu đãi GV dạy học sinh hòa nhập: 111,496,918
- Sửa chữa, cải tạo trường:

Gõ Váp, ngày 30 tháng 9 năm 2022

Hiệu trưởng



Đương Hữu Đức

Trường THCS LÝ TỰ TRỌNG

**BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 3 NĂM 2021**

I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2020

	Nguồn 13 (chi thường xuyên)	Nguồn 14 (10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên)	Nguồn 14 (chi NQ 03)	Nguồn 12 (chi không thường xuyên)	Tổng cộng
Tồn năm 2019 chuyển sang	248.785.158	3.152.411.408	1.054.026.489		4.455.223.055
Dự toán giao trong năm 2020	10.020.367.200	5.942.741.000	5.556.684.200	1.115.031.435	22.634.823.835
Dự toán đã sử dụng	5.816.254.805	3.319.803.439	2.166.037.240	460.167.954	11.762.263.438
+ Quý 1	1.865.910.657	396.356.184		141.000.000	
+ Quý 2	2.003.867.547	1.652.994.139	1.266.012.216	207.671.036	
+ Quý 3	1.946.476.601	1.270.453.116	900.025.024	111.496.918	
+ Quý 4					
Tồn cuối kỳ	4.452.897.553	5.775.348.969	4.444.673.449	654.863.481	10.883.110.003

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:

I/ Chi thường xuyên (nguồn 13) :

Mã nội dung kinh tế	Chi tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 3/2021	Lũy kế từ đầu năm
B	C	I	2
6000	Tiền lương		
6001	Lương ngạch, bậc theo quý lương được duyệt	964.848.450	2.963.263.569
6002	Lương tập sự, công chức dự bị		-
6003	Lương hợp đồng dài hạn	11.934.900	35.804.700
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		-
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	40.408.800	121.226.400
6100	Phụ cấp lương		-
6101	Phụ cấp chức vụ	16.335.000	48.763.000
6105	Phụ cấp thêm giờ	229.906.944	229.906.944
6107	Phụ cấp độc hại	726.000	1.694.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	275.929.998	846.625.301
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	1.899.000	6.181.000
6115	Phụ cấp thâm niên nghề	107.515.179	370.505.509
6117	Phụ cấp thâm niên vượt khung		-
6149	Khác	1.350.000	4.050.000
6300	Các khoản đóng góp		-
6301	Bảo hiểm xã hội	199.682.408	620.837.828
6302	Bảo hiểm y tế	34.231.276	106.429.361
6303	Kinh phí công đoàn	22.820.822	70.952.824
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	11.410.436	35.264.357
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		-
6404	Thu nhập tăng thêm		-
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	15.000.000	49.310.400
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng		-
6501	Chi thanh toán tiền điện	4.677.388	41.956.282
6502	Chi thanh toán tiền nước		-
6504		-	7.370.000
6550	Vật tư văn phòng		-
6551	văn phòng phẩm	-	8.295.980

6552	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	-	5.900.000	5.900.000
6599	Vật tư văn phòng khác	-	6.877.750	6.877.750
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	-	-	-
6601	Cước phí điện thoại trong nước	-	-	-
6608	Sách, tài liệu.	-	15.896.000	15.896.000
6617	Cước phí Internet, phương tiện điện tử	-	-	-
6700	Công tác phí	-	-	-
6704	Khoản công tác phí	5.400.000	16.200.000	10.800.000
6750	Chi phí thuê mướn	-	-	-
6757	Thuê lao động	-	85.643.600	85.643.600
6799	Chi phí thuê mướn khác	-	108.000.000	108.000.000
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ KPTX	-	-	-
6905	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng	-	-	-
6907	Nhà cửa	-	-	-
6912	Thiết bị tin học	-	-	-
6913	Tài sản và TBVP	-	-	-
6921	Đường điện, cấp thoát nước	-	-	6.900.000
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	-	-	-
6999	Tài sản và thiết bị khác	-	-	-
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	-	-	-
7001	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	-	-	-
7004	Đồng phục, trang phục	-	-	-
7006	Sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác chuyên môn của ngành	-	-	-
7049	Chi phí khác	-	-	-
7053	Đào tạo nhân viên công nghệ	2.400.000	2.400.000	-
7766	Cấp bù học phí	-	-	-
7799	Hỗ trợ CPHT	-	-	-
7952	Quỹ PL	-	-	-
7953	Quỹ KT	-	-	-
7954	Quỹ PTSN	-	-	-
9050	Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn	-	-	-
9099	Tài sản khác	-	-	-

2/Chi thường xuyên (nguồn 14) :

- Tổng lương theo Nghị định 72/2018/NĐ-CP: 370.428,092 đồng.
- Chi Nghị quyết 03 trong năm 2020: 900,025,024 đồng.

3/Chi không thường xuyên (nguồn 12) :

- 1 rợ cấp tết 2020:
- Hỗ trợ chi phí học tập:
- PC ưu đãi GV dạy học sinh hòa nhập: 111,496,918
- Sửa chữa, cải tạo trường:

Gò Vấp, ngày 30, tháng 9 năm 2022

Hiệu trưởng



Dương Hữu Đức

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 76/QĐ-THCSLT

Gò Vấp, ngày 30 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quý 2 năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT – BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ vào kết quả tình hình thực hiện dự toán quý 2 năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng;
- Xét đề nghị của kế toán Trường THCS Lý Tự Trọng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quý 2 năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính trường Trường THCS Lý Tự Trọng thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG



Dương Hữu Đức

Đơn vị: Trường THCS LÝ TỰ TRỌNG
Chương: 622

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 24/9/2018 của Bộ Tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tphcm, ngày 30 tháng 06 Năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều
của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị
dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Lý Tự Trọng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu học phí				
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		3.656.861.686		
a)	Chi thường xuyên (nguồn 13)		2.003.867.547		
b)	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (không kể tiền lương, cô tính chất lương) (nguồn 14)		1.652.994.139		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		207.671.036		
	Liệt kê chi tiết				

Gõ Vập, Ngày 30 tháng 06 năm 2021

Hiệu trưởng



Dương Hữu Đức

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 24/9/2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THCS LÝ THỰ TRỌNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tphcm, ngày 30 tháng 06 Năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều
của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị
dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Lý Tự Trọng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 2 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu học phí				
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		3.656.861.686		
a)	Chi thường xuyên (nguồn 13)		2.003.867.547		
b)	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (không kể tiền lương, cơ tính chất lương) (nguồn 14)		1.652.994.139		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		207.671.036		
	Liệt kê chi tiết				

Gò Vấp, Ngày 30 tháng 06 năm 2021

Hiệu trưởng



Đương Hữu Đức

Trường THCS LÝ TỰ TRỌNG

**BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 2 NĂM 2021**

I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2020

	Nguồn 13 (chi thường xuyên)	Nguồn 14 (10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên)	Nguồn 14 (chi NQ 03)	Nguồn 12 (chi không thường xuyên)	Tổng cộng
Tồn năm 2019 chuyển sang	248.785.158	3.152.411.408	1.054.026.489		4.455.223.055
Dự toán giao trong năm 2020	10.141.995.000	5.942.741.000	5.556.684.200	715.031.435	22.356.451.635
Dự toán đã sử dụng	3.869.778.204	2.049.350.323	1.266.012.216	348.671.036	7.533.811.779
+ Quý 1	1.865.910.657	396.356.184		141.000.000	
+ Quý 2	2.003.867.547	1.652.994.139	1.266.012.216	207.671.036	
+ Quý 3					
+ Quý 4					
Tồn cuối kỳ	6.521.001.954	7.045.802.085	5.344.698.473	366.360.399	13.933.164.438

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:

1/ Chi thường xuyên (nguồn 13) :

Mã nội dung kinh tế	Chi tiêu	Dự toán đã sử dụng		
		Quý 2/2021	Lũy kế từ đầu năm	
B	C	I	2	
6000	Tiền lương			
6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt	988.770.859	1.998.415.119	1.009.644.260
6002	Lương tập sự, công chức dự bị		-	
6003	Lương hợp đồng dài hạn	11.934.900	23.869.800	11.934.900
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		-	
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	40.408.800	80.817.600	40.408.800
6100	Phụ cấp lương		-	
6101	Phụ cấp chức vụ	16.093.000	32.428.000	16.335.000
6105	Phụ cấp thêm giờ		-	
6107	Phụ cấp độc hại	726.000	968.000	242.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	281.625.431	570.695.303	289.069.872
6113	Phụ cấp theo nghề theo công việc	1.899.000	4.282.000	2.383.000
6115	Phụ cấp thâm niên nghề	119.189.076	262.990.330	143.801.254
6117	Phụ cấp thâm niên vượt khung		-	
6149	Khác	1.350.000	2.700.000	1.350.000
6300	Các khoản đóng góp		-	
6301	Bảo hiểm xã hội	207.283.688	421.155.420	213.871.732
6302	Bảo hiểm y tế	35.534.354	72.198.085	36.663.731
6303	Kinh phí công đoàn	23.689.540	48.132.002	24.442.462
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	11.844.796	23.853.921	12.009.125
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		-	
6404	Thu nhập tăng thêm		-	
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	29.304.000	34.310.400	5.006.400
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng		-	
6501	Chi thanh toán tiền điện	25.272.753	37.278.894	12.006.141
6502	Chi thanh toán tiền nước		-	
6504		4.180.000	7.370.000	3.190.000
6550	Vật tư văn phòng		-	
6551	văn phòng phẩm	-	8.295.980	8.295.980

6552	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	5.900.000	5.900.000	
6599	Vật tư văn phòng khác	6.877.750	6.877.750	
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc			
6601	Cước phí điện thoại trong nước			
6608	Sách, tài liệu	800.000	15.896.000	15.096.000
6617	Cước phí Internet, phương tiện điện tử			
6700	Công tác phí			
6704	Khoản công tác phí	5.400.000	10.800.000	5.400.000
6750	Chi phí thuê mướn			
6757	Thuê lao động	70.883.600	85.643.600	14.760.000
6799	Chi phí thuê mướn khác	108.000.000	108.000.000	
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ KPTX			
6905	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng			
6907	Nhà cửa			
6912	Thiết bị tin học			
6913	Tài sản và TBVP			
6921	Đường điện, cấp thoát nước	6.900.000	6.900.000	
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác			
6999	Tài sản và thiết bị khác			
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			
7001	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			
7004	Đồng phục, trang phục			
7006	Sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác chuyên môn của ngành			
7049	Chi phí khác			
7053	Bảo trì máy móc cùng ngành			
7766	Cấp bù học phí			
7799	Hỗ trợ CPHI			
7952	Quỹ PL			
7953	Quỹ KT			
7954	Quỹ PTSN			
9050	Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn			
9099	Tài sản khác			

2/Chi thường xuyên (nguồn 14):

- Tăng lương theo Nghị định 72/2018/NĐ-CP: 386,981,923 đồng.
- Chi Nghị quyết 03 trong năm 2020: 1,266,012,216 đồng.

3/Chi không thường xuyên (nguồn 12):

- 1 rợ cấp tet 2020:
- Hỗ trợ chi phí học tập:
- PC ưu đãi GV dạy học sinh hóa nhập: 207,671,036
- Sửa chữa, cải tạo trường:

Gò Vấp, ngày 30 tháng 06 năm 2022



Hiệu trưởng

Đương Hữu Đức

Trường THCS LÝ TỰ TRỌNG

**BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 2 NĂM 2021**

I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2020

	Nguồn 13 (chi thường xuyên)	Nguồn 14 (10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên)	Nguồn 14 (chi NQ 03)	Nguồn 12 (chi không thường xuyên)	Tổng cộng
Tồn năm 2019 chuyển sang	248.785.158	3.152.411.408	1.054.026.489		4.455.223.055
Dự toán giao trong năm 2020	10.141.995.000	5.942.741.000	5.556.684.200	715.031.435	22.356.451.635
Dự toán đã sử dụng	3.869.778.204	2.049.350.323	1.266.012.216	348.671.036	7.533.811.779
+ Quý 1	1.865.910.657	396.356.184		141.000.000	
+ Quý 2	2.003.867.547	1.652.994.139	1.266.012.216	207.671.036	
+ Quý 3					
+ Quý 4					
Tồn cuối kỳ	6.521.001.954	7.045.802.085	5.344.698.473	366.360.399	13.933.164.438

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:

1/ Chi thường xuyên (nguồn 13) :

Mã nội dung kinh tế	Chi tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 2/2021	Lũy kế từ đầu năm
B	C	1	2
6000	Tiền lương		
6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt	988.770.859	1.998.415.119
6002	Lương tập sự, công chức dự bị		-
6003	Lương hợp đồng dài hạn	11.934.900	23.869.800
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		-
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	40.408.800	80.817.600
6100	Phụ cấp lương		-
6101	Phụ cấp chức vụ	16.093.000	32.428.000
6105	Phụ cấp thêm giờ		-
6107	Phụ cấp độc hại	726.000	968.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	281.625.431	570.695.303
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	1.899.000	4.282.000
6115	Phụ cấp thâm niên nghề	119.189.076	262.990.330
6117	Phụ cấp thâm niên vượt khung		-
6149	Khác	1.350.000	2.700.000
6300	Các khoản đóng góp		-
6301	Bảo hiểm xã hội	207.283.688	421.155.420
6302	Bảo hiểm y tế	35.534.354	72.198.085
6303	Kinh phí công đoàn	23.689.540	48.132.002
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	11.844.796	23.853.921
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		-
6404	Thu nhập tăng thêm		-
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	29.304.000	34.310.400
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng		-
6501	Chi thanh toán tiền điện	25.272.753	37.278.894
6502	Chi thanh toán tiền nước		-
6504		4.180.000	7.370.000
6550	Vật tư văn phòng		-
6551	văn phòng phẩm	-	8.295.980

6552	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	5.900.000	5.900.000	
6599	Vật tư văn phòng khác	6.877.750	6.877.750	
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc			
6601	Cước phí điện thoại trong nước			
6608	Sách, tài liệu	800.000	15.896.000	15.096.000
6617	Cước phí Internet, phương tiện điện tử			
6700	Công tác phí			
6704	Khoản công tác phí	5.400.000	10.800.000	5.400.000
6750	Chi phí thuê mướn			
6757	Thuê lao động	70.883.600	85.643.600	14.760.000
6799	Chi phí thuê mướn khác	108.000.000	108.000.000	
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ KPTX			
6905	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng			
6907	Nhà cửa			
6912	Thiết bị tin học			
6913	Tài sản và TBVP			
6921	Đường điện, cấp thoát nước	6.900.000	6.900.000	
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác			
6999	Tài sản và thiết bị khác			
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			
7001	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			
7004	Đồng phục, trang phục			
7006	Sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác chuyên môn của ngành			
7049	Chi phí khác			
7053	Vào sổ phần mềm công nghệ			
7766	Cấp bù học phí			
7799	Hỗ trợ CPHI			
7952	Quỹ PL			
7953	Quỹ KT			
7954	Quỹ PTSN			
9050	Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn			
9099	Tài sản khác			

2/Chi thường xuyên (nguồn T4) :

- Tăng lương theo Nghị định 72/2018/NĐ-CP: 386,981,923 đồng.
- Chi Nghị quyết 05 trong năm 2020: 1,266,012,216 đồng.

3/Chi không thường xuyên (nguồn 12) :

- Trợ cấp tết 2020;
- Hỗ trợ chi phí học tập;
- PC ưu đãi GV dạy học sinh hoa nhập: 207,6/1,036
- Sửa chữa, cải tạo trường;

Gõ Fáp, ngày 30 tháng 06 năm 2022

Hiệu trưởng

Chữ

Đương Hữu Đức

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35/QĐ-THCS LTT

Gò Vấp, ngày 31 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quý 1 năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT – BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ vào kết quả tình hình thực hiện dự toán quý 1 năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng;
- Xét đề nghị của kế toán trường THCS Lý Tự Trọng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quý 1 năm 2021 của Trường THCS Lý Tự Trọng (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính trường Trường THCS Lý Tự Trọng thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG



Dương Hữu Đức

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 24/9/2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THCS LÝ TỰ TRỌNG

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tphcm, ngày 31 tháng 03 Năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều
của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị
dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Lý Tự Trọng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 1 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu học phí				
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		2.262.266.841		
a)	Chi thường xuyên (nguồn 13)		1.865.910.657		
b)	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (không kể tiền lương, eo tính chất lương) (nguồn 14)		396.356.184		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		141.000.000		
	Liệt kê chi tiết				

Gò Vấp, Ngày 31 tháng 03 năm 2021

Hiệu trưởng



Đương Hữu Đức

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 24/9/2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Trường THCS LÝ TỰ TRỌNG
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tphcm, ngày 31 tháng 03 Năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2021

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều
của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị
dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS Lý Tự Trọng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 1 như sau:

ĐVT tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu học phí				
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		2.262.266.841		
a)	Chi thường xuyên (nguồn 13)		1.865.910.657		
b)	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (không kể tiền lương, có tính chất lương) (nguồn 14)		396.356.184		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		141.000.000		
	Liệt kê chi tiết				

Gò Vấp, Ngày 31 tháng 03 năm 2021

Hiệu trưởng



Dương Hữu Đức

Trường THCS LÝ TỰ TRỌNG

BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 1 NĂM 2021

I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2020

	Nguồn 13 (chi thường xuyên)	Nguồn 14 (10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên)	Nguồn 14 (chi NQ 03)	Nguồn 12 (chi không thường xuyên)	Tổng cộng
Tồn năm 2020 chuyển sang	248.785.158	3.152.411.408	2.690.425.557		6.091.622.123
Dự toán giao trong năm 2021	10.141.995.000	5.942.741.000	3.142.736.000	486.937.000	19.714.409.000
Dự toán đã sử dụng	1.865.910.657	396.356.184	-	141.000.000	2.403.266.841
+ Quý 1	1.865.910.657	396.356.184		141.000.000	
+ Quý 2					
+ Quý 3					
+ Quý 4					
Tồn cuối kỳ	8.524.869.501	8.698.796.224	5.833.161.557	345.937.000	17.569.602.725

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:

1/ Chi thường xuyên (nguồn 13) :

Mã nội dung kinh tế	Chi tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 1/2021	Lũy kế từ đầu năm
B	C	1	2
6000	Tiền lương		
6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt	1.009.644.260	1.009.644.260
6002	Lương tập sự, công chức dự bị		-
6003	Lương hợp đồng dài hạn	11.934.900	11.934.900
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		-
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	40.408.800	40.408.800
6100	Phụ cấp lương		-
6101	Phụ cấp chức vụ	16.335.000	16.335.000
6105	Phu cấp thêm giờ		-
6107	Phụ cấp độc hại	242.000	242.000
6112	Phu cấp ưu đãi nghề	289.069.872	289.069.872
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	2.383.000	2.383.000
6115	Phu cấp thâm niên nghề	143.801.254	143.801.254
6117	Phụ cấp thâm niên vượt khung		-
6149	Khác	1.350.000	1.350.000
6300	Các khoản đóng góp		-
6301	Bảo hiểm xã hội	213.871.732	213.871.732
6302	Bảo hiểm y tế	36.663.731	36.663.731
6303	Kinh phí công đoàn	24.442.462	24.442.462
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	12.009.125	12.009.125
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		-
6404	Thu nhập tăng thêm		-
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	5.006.400	5.006.400
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng		-
6501	Chi thanh toán tiền điện	12.006.141	12.006.141
6502	Chi thanh toán tiền nước		-
6504		3.190.000	
6550	Vật tư văn phòng		-
6551	văn phòng phẩm	8.295.980	8.295.980

6552	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng			-
6599	Vật tư văn phòng khác			-
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc			-
6601	Cước phí điện thoại trong nước			-
6608	Sách, tài liệu	15.096.000	15.096.000	
6617	Cước phí Internet, phương tiện điện tử			-
6700	Công tác phí			-
6704	Khoản công tác phí	5.400.000	5.400.000	
6750	Chi phí thuê mướn			-
6757	Thuê lao động	14.760.000	14.760.000	
6799	Chi phí thuê mướn khác			-
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ KPTX			-
6905	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng			-
6907	Nhà cửa			-
6912	Thiết bị tin học			-
6913	Tài sản và TBVP			-
6921	Đường điện, cấp thoát nước			-
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác			-
6999	Tài sản và thiết bị khác			-
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			-
7001	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			-
7004	Đồng phục, trang phục			-
7006	Sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác chuyên môn của ngành			-
7049	Chi phí khác			-
7053	Bảo trì máy móc công nghệ			-
7766	Cấp bù học phí			-
7799	Hỗ trợ CPHT			-
7952	Quỹ PL			-
7953	Quỹ KT			-
7954	Quỹ PTSN			-
9050	Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn			-
9099	Tài sản khác			-

2/Chi thường xuyên (nguồn T4) :

- Tăng lương theo Nghị định 72/2018/NĐ-CP: 396,3 /6,041 đồng.
- Chi Nghị quyết 03 trong năm 2020: 0 đồng.

3/Chi không thường xuyên (nguồn 12) :

- 1 rợ cap tet 2021: 141,000,000 đồng
- Hỗ trợ chi phí học tập:
- PC ưu đãi GV dạy học sinh hóa nhập: c
- Sửa chữa, cai tạo trường:

Gò Vấp, ngày 31, tháng 03 năm 2021

Hiệu trưởng



Dương Hữu Đức

Trường THCS LÝ TỰ TRỌNG

BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ I NĂM 2021

I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2020

	Nguồn 13 (chi thường xuyên)	Nguồn 14 (10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên)	Nguồn 14 (chi NQ 03)	Nguồn 12 (chi không thường xuyên)	Tổng cộng
Tồn năm 2020 chuyển sang	248.785.158	3.152.411.408	2.690.425.557		6.091.622.123
Dự toán giao trong năm 2021	10.141.995.000	5.942.741.000	3.142.736.000	486.937.000	19.714.409.000
Dự toán đã sử dụng	1.865.910.657	396.356.184	-	141.000.000	2.403.266.841
+ Quý 1	1.865.910.657	396.356.184		141.000.000	
+ Quý 2					
+ Quý 3					
+ Quý 4					
Tồn cuối kỳ	8.524.869.501	8.698.796.224	5.833.161.557	345.937.000	17.569.602.725

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:

1/ Chi thường xuyên (nguồn 13) :

Mã nội dung kinh tế	Chi tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý I/2021	Luỹ kế từ đầu năm
B	C	1	2
6000	Tiền lương		
6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt	1.009.644.260	1.009.644.260
6002	Lương tập sự, công chức dự bị		-
6003	Lương hợp đồng dài hạn	11.934.900	11.934.900
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		-
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	40.408.800	40.408.800
6100	Phụ cấp lương		-
6101	Phụ cấp chức vụ	16.335.000	16.335.000
6105	Phụ cấp thêm giờ		-
6107	Phụ cấp độc hại	242.000	242.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	289.069.872	289.069.872
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	2.383.000	2.383.000
6115	Phụ cấp thâm niên nghề	143.801.254	143.801.254
6117	Phụ cấp thâm niên vượt khung		-
6149	Khác	1.350.000	1.350.000
6300	Các khoản đóng góp		-
6301	Bảo hiểm xã hội	213.871.732	213.871.732
6302	Bảo hiểm y tế	36.663.731	36.663.731
6303	Kinh phí công đoàn	24.442.462	24.442.462
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	12.009.125	12.009.125
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		-
6404	Thu nhập tăng thêm		-
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	5.006.400	5.006.400
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng		-
6501	Chi thanh toán tiền điện	12.006.141	12.006.141
6502	Chi thanh toán tiền nước		-
6504		3.190.000	
6550	Vật tư văn phòng		-
6551	văn phòng phẩm	8.295.980	8.295.980

6552	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng		-
6599	Vật tư văn phòng khác		-
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		-
6601	Cước phí điện thoại trong nước		-
6608	Sách, tài liệu	15.096.000	15.096.000
6617	Cước phí Internet, phương tiện điện tử		-
6700	Công tác phí		-
6704	Khoản công tác phí	5.400.000	5.400.000
6750	Chi phí thuê mượn		-
6757	Thuê lao động	14.760.000	14.760.000
6799	Chi phí thuê mượn khác		-
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ KPTX		-
6905	Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng		-
6907	Nhà cửa		-
6912	Thiết bị tin học		-
6913	Tài sản và TBVP		-
6921	Đường điện, cấp thoát nước		-
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		-
6999	Tài sản và thiết bị khác		-
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		-
7001	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		-
7004	Đồng phục, trang phục		-
7006	Sách, tài liệu, chế độ dùng cho công tác chuyên môn của ngành		-
7049	Chi phí khác		-
7053	Bảo trì phần mềm công nghệ		-
7766	Cấp bù học phí		-
7799	Hỗ trợ CPHT		-
7952	Quỹ PL		-
7953	Quỹ KT		-
7954	Quỹ PTSN		-
9050	Mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn		-
9099	Tài sản khác		-

2/Chi thường xuyên (nguồn T4) :

- Tổng lương theo Nghị định 72/2018/NĐ-CP: 396,3/6,041 đồng.
- Chi Nghị quyết 03 trong năm 2020: 0 đồng.

3/Chi không thường xuyên (nguồn I2) :

- Trợ cấp tết 2021: 141,000,000 đồng
- Hỗ trợ chi phí học tập:
- PC ưu đãi GV dạy học sinh hòa nhập: c
- Sửa chữa, cải tạo trường:

Gò Vấp, ngày 31, tháng 03 năm 2021



Hiệu trưởng

Dương Hữu Đức